

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THUẬN NAM
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 16-3-2018
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUẬN NAM, TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bá Trung Ấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Thiên Anh Khoa.

Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Thanh Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa: Bà Từ Nữ Lệ Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 112/2017/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2017 về “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị H, sinh năm: 1969; địa chỉ: Thôn L 3, xã P, huyện T, tỉnh Ninh Thuận (có mặt).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn M, sinh năm: 1969; địa chỉ: Thôn L 3, xã P, huyện T, tỉnh Ninh Thuận (xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05 tháng 12 năm 2017, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Thị H trình bày: Bà và ông Nguyễn Văn M tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau từ năm 1990 nhưng do thiếu hiểu biết pháp luật nên chưa thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Thời gian đầu sau khi lấy nhau vợ chồng sống tương đối hạnh phúc, đến năm 2015 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng về quan điểm sống, ông M không có trách nhiệm chăm lo cuộc sống gia đình, có hành vi chửi bới, đánh bà. Đã hơn hai năm nay bà và ông M không còn chung sống với nhau. Mặc dù bà và ông M lấy nhau không có đăng ký kết hôn nhưng bà vẫn yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông M.

Về con chung: Bà và ông M có 06 con chung, trong đó 04 con chung đã trên 18 tuổi, lao động được nên bà không có yêu cầu gì; đối với 02 con chung dưới 18 tuổi là Nguyễn Thị Mỹ T, sinh ngày 01-10-2000 và Nguyễn Hữu T, sinh ngày 19-12-2002 bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được tiếp tục nuôi, bà tự nguyện không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: B và ông M tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản làm việc ngày 18 tháng 01 năm 2018 bị đơn ông Nguyễn Văn M trình bày: Ông và bà Lê Thị H lấy nhau vào năm 1990 nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng sống với nhau có hạnh phúc nhưng đến năm 2015 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do không thống nhất về cách làm kinh tế gia đình, vợ chồng sống không tôn trọng lẫn nhau dẫn đến ông và bà H không còn chung sống với nhau từ năm 2015 cho đến nay. Nay bà H có đơn xin ly hôn, ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà H.

Về con chung: Ông và bà H có 06 con chung, trong đó 04 con chung đã trên 18 tuổi, lao động được; 02 con chung dưới 18 tuổi là Nguyễn Thị Mỹ T, sinh ngày 01-10-2000 và Nguyễn Hữu T, sinh ngày 19-12-2002. Ông đồng ý giao 02 con chung dưới 18 tuổi cho bà H được tiếp tục nuôi theo nguyện vọng của bà H.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông và bà H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt khi Tòa án triệu tập tham gia tố tụng.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Nam phát biểu ý kiến như sau: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật; nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật; bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật; yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về việc vắng mặt bị đơn: Bị đơn ông Nguyễn Văn M có yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt; căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông M.

[2]. Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Bà Lê Thị H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con chung với ông Nguyễn Văn M có nơi cư trú tại thôn L3, xã P, huyện T, tỉnh Ninh Thuận. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh

Thuận.

[3]. Về hôn nhân: Bà Lê Thị H và ông Nguyễn Văn M chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1990, hôn nhân giữa bà H và ông M mặc dù được xây dựng trên cơ sở tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quá trình chung sống giữa bà H và ông M xảy ra mâu thuẫn nên bà H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông M. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà H và ông M là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4]. Về con chung: Quá trình chung sống bà H và ông M có 06 con chung, hiện nay có 04 con chung đã trên 18 tuổi, lao động được, các đương sự không yêu cầu gì nên không xem xét đến. Đối với 02 con chung dưới 18 tuổi là cháu Nguyễn Thị Mỹ Trân, sinh ngày 01-10-2000 và Nguyễn Hữu Thịnh, sinh ngày 19-12-2002; bà H và ông M đều thống nhất giao cho bà H được trực tiếp nuôi, nguyện vọng của cháu Trân và cháu Thịnh muốn sống với bà H. Cho nên, giao 02 con chung Nguyễn Thị Mỹ Trân, sinh ngày 01-10-2000 và Nguyễn Hữu Thịnh, sinh ngày 19-12-2002 cho bà H trực tiếp nuôi là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Bà H tự nguyện không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con là quyền định đoạt của đương sự nên không xem xét, giải quyết.

Ông M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[5]. Về tài sản chung, nợ chung: Bà H và ông M tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét đến.

[6]. Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nguyên đơn bà Lê Thị H phải chịu 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị H.

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Lê Thị H và ông Nguyễn Văn M.

2. Về nuôi con chung: Giao 02 con chung Nguyễn Thị Mỹ Trân, sinh ngày 01-10-2000 và Nguyễn Hữu Thịnh, sinh ngày 19-12-2002 cho bà Lê Thị H trực tiếp nuôi. Ông Nguyễn Văn M không phải cấp dưỡng nuôi con chung do bà Lê Thị H không yêu cầu.

Ông Nguyễn Văn M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Bà Lê Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000^d (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011069 ngày 11 tháng 12 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thuận Nam; bà Lê Thị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (16-3-2018). Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện Thuận Nam;
- Chi cục THADS huyện Thuận Nam;
- Các đương sự;
- UBND xã P;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bá Trung Ân